

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 135/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 6 - 2023

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sơn Ngọc Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Hoài Yên.

Ông Nguyễn Ngọc Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký tòa án của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 170/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 277/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Tuyết M, sinh năm 1984 (xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp H, xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05/5/2023 và các văn bản kèm theo bà Bùi Thị Tuyết M trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2005, bà và ông Nguyễn Minh T chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống thì giữa bà và ông T mâu thuẫn kéo dài, bất đồng quan điểm, xúc phạm lẫn nhau, bà và ông T đã hàn gắn nhiều lần nhưng không mang lại kết quả, cả hai không còn chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 02 năm 2023 cho đến nay. Bà xác định là không còn tình cảm dành cho ông T. Do mâu thuẫn kéo dài mà không thể hàn gắn, cuộc

sống chung không còn hạnh phúc, nên bà không thể đoàn tụ gia đình với ông T. Nay bà M yêu cầu Tòa án xét xử cho bà ly hôn với ông Nguyễn Minh T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống có hai người con chung tên Nguyễn Thị Tuyết M (giới tính nữ), sinh ngày 13/7/2007 và Nguyễn Quốc M (giới tính nam), sinh ngày 06/02/2010. Hiện hai người con chung đang do bà M nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà M yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng Nguyễn Thị Tuyết M và Nguyễn Quốc M, bà M không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do công việc làm ăn xa nên việc đi lại khó khăn, bà Bùi Thị Tuyết M yêu cầu Tòa án không hòa giải và xin vắng mặt tham gia phiên tòa sơ thẩm, bà M vẫn y nội dung khởi kiện không có ý kiến gì khác.

Ông Nguyễn Minh T đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời triệu tập xét xử nhiều lần nhưng ông T vẫn không tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vụ án tranh chấp ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo lãnh thổ, được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Bùi Thị Tuyết M xin vắng mặt tham gia phiên tòa. Nay căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là có căn cứ.

Ông Nguyễn Minh T đã được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhiều lần, nhưng ông T không cung cấp chứng cứ gì, ông T vắng mặt không có lý do. Nay căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là có căn cứ.

[2] Về hôn nhân: Vào năm 2005, bà M và ông T chung sống với nhau như vợ chồng, đến nay dẫn không đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Cuộc sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên tranh cãi và xúc phạm lẫn nhau, cả hai không còn chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 02 năm 2023 cho đến nay mà không thể hàn gắn tình cảm. Bà Bùi Thị Tuyết M xác định không còn tình cảm dành cho ông T và bà M cương quyết ly hôn.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân của bà Bùi Thị Tuyết M và ông Nguyễn Minh T không thể tiếp tục duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được. Hôn nhân giữa bà Bùi Thị Tuyết M và ông Nguyễn Minh T đã và đang trong tình trạng trầm trọng. Ông T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn không tham gia tố tụng, cho thấy ông T không mong muốn hàn gắn đoàn tụ gia đình. Đối với yêu cầu của bà M, ông T không

có ý kiến gì. Do hôn nhân giữa bà M và ông T đã vi phạm quy định về điều kiện kết hôn theo Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên bà Bùi Thị Tuyết M và ông Nguyễn Minh T không được công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống có hai người con chung tên Nguyễn Thị Tuyết M (giới tính nữ), sinh ngày 13/7/2007 và Nguyễn Quốc M (giới tính nam), sinh ngày 06/02/2010. Hiện Nguyễn Thị Tuyết M và Nguyễn Quốc M đang do bà M nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà M yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng Nguyễn Thị Tuyết M và Nguyễn Quốc M. Mặt khác, Nguyễn Thị Tuyết M và Nguyễn Quốc M có nguyện vọng sống chung cùng với bà M nên có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của bà M, về việc cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Bùi Thị Tuyết M phải chịu theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng vào các điều 9, 14, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Bùi Thị Tuyết M và ông Nguyễn Minh T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao Nguyễn Thị Tuyết M (giới tính nữ), sinh ngày 13/7/2007 và Nguyễn Quốc M (giới tính nam), sinh ngày 06/02/2010 cho bà Bùi Thị Tuyết M tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Bùi Thị Tuyết M phải chịu 300.000 đồng. Bà Bùi Thị Tuyết M đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai

thu tiền số 0018895 ngày 08/5/2023, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, được đối trừ, chuyển thu.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Bà Bùi Thị Tuyết M và ông Nguyễn Minh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sơn Ngọc Trọng